

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 01 - 2023
V/v Không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Sĩ Hùng
Bà Trương Tuyết Thoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chương - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 663/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022, về việc Không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 372/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Đ, Sinh năm: 1982. Địa chỉ: Ấp B, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Lưu Minh N, Sinh năm: 1982. Địa chỉ: Nhà không số, khóm X, phường Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Thị Đ trình bày tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Lưu Minh N tự nguyện chung sống vào năm 2004, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, sống chung không hòa hợp, anh N có mối quan hệ với người phụ nữ khác, anh chị đã ly thân cách nay khoảng 02 năm, chị đã về nhà cha mẹ ruột sống khoảng hơn 01 tháng nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

- *Về con chung:* Chị và anh N có 03 con chung tên Lưu Nhật A, sinh ngày 24/11/2005; Lưu Bảo Ng, sinh ngày 01/9/2011, hiện đang sống cùng anh N; Lưu Thiện M, sinh ngày 12/9/2017, hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền nuôi cháu M, yêu cầu anh N cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng; Giao

02 cháu Nhựt A và Ng cho anh N nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng đối với chị.

- *Về tài sản*: Chị xác định để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về nợ chung*: Chị xác định không nợ ai, không ai nợ anh, chị.

Anh Lưu Minh N trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

- *Về hôn nhân*: Về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn đúng như chị Đ trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn đúng như chị Đ trình bày. Anh xác định hôn nhân không còn hạnh phúc, chị Đ yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

- *Về con chung*: Anh và chị Đ có 03 con chung tên Lưu Nhựt A, sinh ngày 24/11/2005; Lưu Bảo Ng, sinh ngày 01/9/2011, hiện đang sống cùng anh; Lưu Thiện M, sinh ngày 12/9/2017, hiện đang sống cùng chị Đ. Khi ly hôn, anh thống nhất giao cháu M cho chị Đ nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu M 1.500.000 đồng/tháng; Anh đồng ý nuôi 02 cháu Nhựt A và Ng, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng.

- *Về tài sản*: Anh xác định để tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
- *Về nợ chung*: Anh xác định không nợ ai, không ai nợ anh, chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là về việc không công nhận vợ chồng.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy, chị Trần Thị Đ và anh Lưu Minh N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn mà không đăng ký kết hôn theo quy định thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ vào các Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận chị Đ và anh N là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh N có 03 con chung tên Lưu Nhựt A, sinh ngày 24/11/2005; Lưu Bảo Ng, sinh ngày 01/9/2011, hiện đang sống cùng anh N; Lưu Thiện M, sinh ngày 12/9/2017, hiện đang sống cùng chị Đ. Khi ly hôn, chị Đ và anh N thống nhất giao cháu M cho chị Đ nuôi dưỡng; Giao 02 cháu Nhựt A và Ng cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và hiện nay cháu M đang sống ổn định với chị Đ, cháu Nhựt A và cháu Bảo Ng đang sống ổn định với anh N. Đồng thời, phù hợp với nguyện vọng của cháu Nhựt A và cháu Ng là được sống với cha là anh N tại biên bản ghi nhận ý kiến con chung ngày 14/12/2022. Vì vậy, để đảm bảo thuận lợi cho việc học tập và sự phát triển toàn diện của con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Đ và anh N thống nhất anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu M 1.500.000 đồng/tháng; không yêu cầu xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị Đ. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Đ và anh N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[5] Về nợ chung: Chị Đ và anh N xác định không có, không ai yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Các đương sự phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị Đ và anh Lưu Minh N là vợ chồng.

Con chung: Giao Lưu Nhựt A, sinh ngày 24/11/2005 và Lưu Bảo Ng, sinh ngày 01/9/2011, hiện đang sống cùng anh N cho anh N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; Giao Lưu Thiện M, sinh ngày 12/9/2017, hiện đang sống cùng chị Đ cho chị Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đ và anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M 1.500.000 đồng/tháng; định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Mỹ đủ 18 tuổi. Không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị Đ.

Kể từ ngày chị Trần Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lưu Minh N không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Đ phải nộp 300.000 đồng. Chị Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002496 ngày 21/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được đối trừ, chuyển thu, nộp Ngân sách Nhà nước. Anh Lưu Minh N phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng (chưa nộp), nộp tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Hân